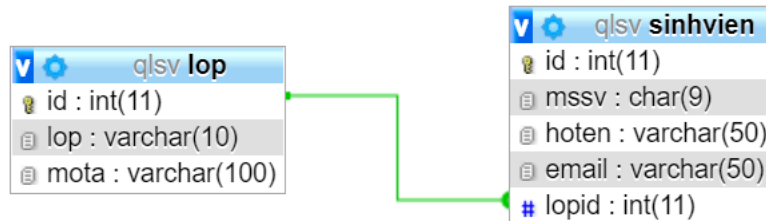


# BÀI TẬP THỰC HÀNH 01

## Bài 1. Ôn tập cú pháp PHP đơn giản

1. Tạo CSDL quản lý sinh viên (qlsv) gồm 2 bảng như sau:



Lưu ý khóa ngoại:

Table structure Relation view

Foreign key constraints

Actions	Constraint properties	Column	Foreign key constraint (INNODB)		
			Database	Table	Column
	sinhvien_lop_FK	lopid	qlsv	lop	id
	ON DELETE	RESTRICT			
	ON UPDATE	CASCADE			
+ Add constraint					

2. Mở trang **index.php**, bổ sung mã php để hiển thị dữ liệu như mẫu:

LỚP	DANH SÁCH SINH VIÊN		
ĐH19TH1	MSSV	Họ tên	Email
	DTH185391	Đào Hữu Thắng	dhthang_19th1@student.agu.edu.vn
ĐH19TH2	DTH185282	Trần Thanh Khan	ttkhan_19th2@student.agu.edu.vn
	DTH185331	Nguyễn Thị Yến Nhi	ntynhi_19th1@student.agu.edu.vn
ĐH19PM	DTH185325	Đặng Thị Thanh Ngân	dtngan_19th1@student.agu.edu.vn
	DTH185374	Đặng Thị Phương Thanh	dtptanh_19th2@student.agu.edu.vn
	DTH185311	Nguyễn Hữu Lợi	nhloi_19th1@student.agu.edu.vn
	DTH185353	Lê Tấn Phát	ltphat_19th1@student.agu.edu.vn
	DPM185156	Lê Công Hậu	lchau_19pm@student.agu.edu.vn
	DPM185143	Trương Thị Mỹ Duyên	ttmduyen_19th1@student.agu.edu.vn

Hướng dẫn:

- Hiện thị danh mục lớp

```
<h3>LỚP</h3>
<div class="list-group">
<?php
    // Kết nối CSDL
    $conn = mysqli_connect("localhost", "root", "", "qlsv");
    if (!$conn){
        die("Lỗi kết nối: ". mysqli_connect_error());
    }
    // Thực hiện truy vấn
    $sql = "SELECT * FROM lop";
    $lop = mysqli_query($conn, $sql);
    // Duyệt và xuất kết quả
    if(mysqli_num_rows($lop) > 0){
        while($l = mysqli_fetch_assoc($lop)){
            echo "<a class='list-group-item' href='\"\">\" . $l["lop"] . "</a>&nbsp;";
        }
    }
?>
</div>
```

- Hiện thị danh sách sinh viên

```
<h3>DANH SÁCH SINH VIÊN</h3>
<table class="table table-hover">
<tr><th>MSSV</th><th>Họ tên</th><th>Email</th><th>Thao tác</th></tr>
<?php
    $sql = "select * from sinhvien";
    $sinhvien = mysqli_query($conn, $sql);
    if(mysqli_num_rows($sinhvien) > 0){
        while($sv = mysqli_fetch_assoc($sinhvien)){
            echo "<tr>";
            echo "<td>\" . $sv["mssv"] . "</td>";
            echo "<td>\" . $sv["hoten"] . "</td>";
            echo "<td>\" . $sv["email"] . "</td>";
            echo "<td><a href='\"\">Sửa</a> | <a href='\"\">Xóa</a></td>";
            echo "</tr>";
        }
    }
?>
</table>
```

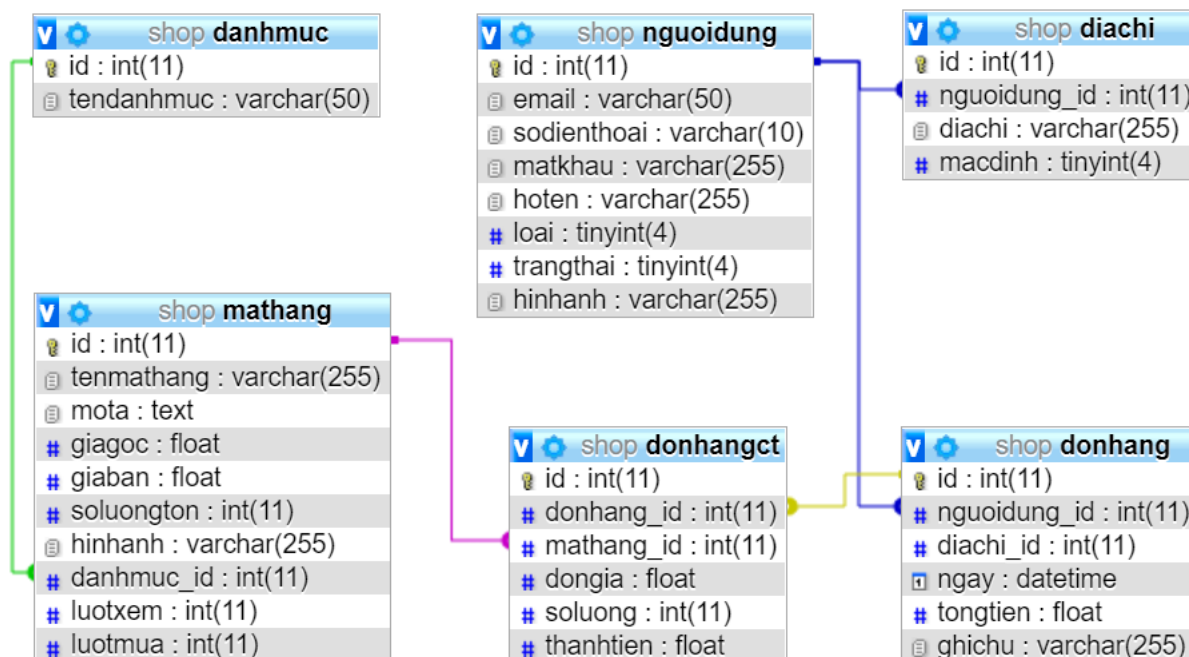
2. Cho phép chọn xem (lọc) sinh viên theo lớp.

3. Cho phép thêm xóa sửa sinh viên.

LỚP	DANH SÁCH SINH VIÊN			
ĐH19TH1	MSSV	Họ tên	Email	Thao tác
	DTH185391	Đào Hữu Thắng	dththang_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
ĐH19TH2	DTH185282	Trần Thanh Khan	ttkhan_19th2@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DTH185331	Nguyễn Thị Yến Nhi	ntyynhi_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
ĐH19PM	DTH185325	Đặng Thị Thanh Ngân	dttngan_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DTH185374	Đặng Thị Phương Thanh	dtpthanh_19th2@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DTH185311	Nguyễn Hữu Lợi	nhloi_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DTH185353	Lê Tấn Phát	ltphat_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DPM185156	Lê Công Hậu	lchau_19pm@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
	DPM185143	Trương Thị Mỹ Duyên	ttmduyen_19th1@student.agu.edu.vn	Sửa   Xóa
				+ Thêm sinh viên

## Bài 2. Chuẩn bị cơ sở dữ liệu cho bài tập lớn

Dùng phpMyAdmin tạo cơ sở dữ liệu quản lý cửa hàng trực tuyến (**shop**) gồm các bảng sau:



Mô tả cấu trúc các bảng:

- Bảng danhmuc (danh mục)

#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	id	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	tendanhmuc	varchar(50)	utf8_unicode_ci		No	None		

- Bảng mặt hàng (mặt hàng)

#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	id	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	tenmathang	varchar(255)	utf8_unicode_ci		No	None		
3	mota	text	utf8_unicode_ci		Yes	NULL		
4	giagoc	float			No	0		
5	giaban	float			No	0		
6	soluongton	int(11)			No	0		
7	hinhanh	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Yes	NULL		
8	danhmuc_id	int(11)			No	None		
9	luotxem	int(11)			No	0		
10	luotmua	int(11)			No	0		

- Bảng nguoidung (người dùng)

#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	<b>id</b> 🔑	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	<b>email</b>	varchar(50)	utf8_unicode_ci		Yes	NULL		
3	<b>sodienthoai</b>	varchar(10)	utf8_unicode_ci		No	None		
4	<b>matkhau</b>	varchar(255)	utf8_unicode_ci		No	None		
5	<b>hoten</b>	varchar(255)	utf8_unicode_ci		No	None		
6	<b>loai</b>	tinyint(4)			No	3		
7	<b>trangthai</b>	tinyint(4)			No	1		
8	<b>hinhanh</b>	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Yes	NULL		

- Bảng diachi (địa chỉ)

#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	<b>id</b> 🔑	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	<b>nguoidung_id</b> 🔑	int(11)			No	None		
3	<b>diachi</b>	varchar(255)	utf8_unicode_ci		No	None		
4	<b>macdinh</b>	tinyint(4)			No	1		

- Bảng donhang (đơn hàng)

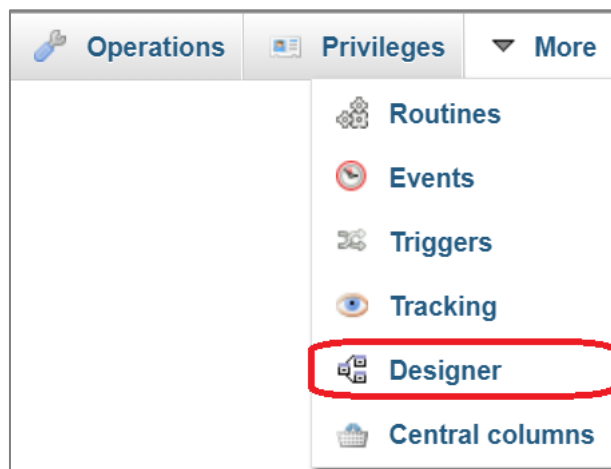
#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	<b>id</b> 🔑	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	<b>nguoidung_id</b> 🔑	int(11)			No	None		
3	<b>diachi_id</b> 🔑	int(11)			Yes	NULL		
4	<b>ngay</b>	datetime			No	current_timestamp()		
5	<b>tongtien</b>	float			No	0		
6	<b>ghichu</b>	varchar(255)	utf8_unicode_ci		Yes	NULL		


- Bảng donhangct (đơn hàng chi tiết)

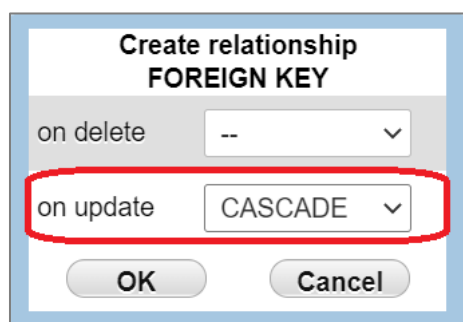
#	Name	Type	Collation	Attributes	Null	Default	Comments	Extra
1	<b>id</b> 🔑	int(11)			No	None		AUTO_INCREMENT
2	<b>donhang_id</b> 🔑	int(11)			No	None		
3	<b>mathang_id</b> 🔑	int(11)			No	None		
4	<b>dongia</b>	float			No	0		
5	<b>soluong</b>	int(11)			No	1		
6	<b>thanhtien</b>	float			No	0		

Lưu ý khi tạo relationship (khóa ngoại):

- Trường khóa ngoại cần đặt thuộc tính INDEX.
- Chọn menu **Designer** để mở chế độ kéo thả:



- Dùng nút **Create Relationship** : click chọn trường khóa chính được tham chiếu bên đầu một, sau đó click chọn trường khóa ngoại bên đầu nhiều. Chọn Cascade update như hình:



Nhập một số dữ liệu tùy thích cho các bảng. Export ra tập tin **shop.sql**.